

Bản án số: **69/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-8-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ly**

- Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Đượm**

Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Thoa**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Hồ Thị Sương** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc** tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25/8/2020, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2020/TLST- HNGĐ ngày 10/02/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Mộng T**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp S, xã SC, huyện XL, tỉnh ĐN

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: : ấp S, xã SC, huyện XL, tỉnh ĐN

(Chị Thúy vắng mặt, anh Tuấn có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung nguyên đơn chị Trần Mộng T trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, chị và anh Nguyễn Hữu T chung sống với nhau năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, anh Tuấn

hay đập phá đồ đạc và ham dọa chị. Chị và anh Tuấn vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Tuấn có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Quỳnh N, sinh ngày 01/8/2011. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trần Mộng T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Theo anh nguyên nhân mâu thuẫn do chị Thúy thường xuyên đi chơi, ăn nhậu về khuya nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nay chị Thúy yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Quỳnh N, sinh ngày 01/8/2011. Trường hợp, Hội đồng xét xử cho chị Thúy được nuôi con thì anh đồng ý. Nếu chị Thúy không nuôi được con thì anh sẽ thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, tuân theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Về việc gửi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và tổng đạt cho đương sự đúng thời hạn theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Thúy và anh Tuấn thống nhất ly hôn, nên chấp nhận cho chị Thúy được ly hôn với anh Tuấn.

- Về con chung: Chị Thúy và anh Tuấn đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu Nguyễn Trần Quỳnh N, sinh ngày 01/8/2011 có nguyện vọng được sống với mẹ, hơn nữa cháu lại là con gái rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Do đó giao cháu Như cho chị Thúy nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tư cách tham gia tố tụng:** Chị Trần Mộng T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu T, do đó xác định chị Thúy là nguyên đơn, anh Tuấn là bị đơn.

**[2] Về thủ tục tố tụng:** Chị Trần Mộng T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó xét xử vắng mặt chị Thúy tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Mộng T và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Thúy nhận thấy: Vợ chồng chung không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, anh Tuấn hay đập phá đồ đạc và ham dọa chị. Tại phiên tòa, anh Tuấn cũng xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn nguyên nhân do chị Thúy thường xuyên ăn nhậu về khuya, anh có khuyên bảo nhưng chị Thúy không sửa đổi, nay chị Thúy yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nên chấp nhận cho chị Thúy được ly hôn với anh Tuấn là phù hợp.

**[4] Về con chung:** Chị Thúy và anh Tuấn đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, chị Thúy và anh Tuấn đều có điều kiện nuôi con tuy nhiên cháu Nguyễn Trần Quỳnh N, sinh ngày 01/8/2011 có nguyện vọng được sống với mẹ, hơn nữa cháu lại là con gái rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Do đó giao cháu Như cho chị Thúy nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp.

Chị Thúy không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con, nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Tuấn

**[5] Về tài sản chung:** Không yêu cầu giải quyết, nên không giải quyết.

**[6] Về nợ chung:** Không có, nên không giải quyết.

**[7] Về án phí:** Chị Thúy phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

**-Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Quỳnh N, sinh ngày: 01/8/2011 cho chị Trần Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Trần Quỳnh N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Hữu T

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật công nhận và bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

4. Nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0009039 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Anh Nguyễn Hữu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Mộng T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lưu Ly**